TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2026/QĐST- HNGĐ	*K, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 512/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Vạn Phước, xã Ninh Phước, tỉnh K

Và bà Châu Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Lương Tri, phường Đô Vinh, tỉnh K .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn B và bà Châu Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Được và bà Vi không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ, ông Bình và bà Trúng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T không có con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Bình và bà Trúng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001320, ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh K . Ông Trần Văn B và bà Châu Thị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh K ;
- VKSND Khu vực 5- K;
- THADS tỉnh K ;
- UBND xã Ninh Phước, K;
(*Giấy CNKH số: 115, quyển 01/2018*

Ngày 15/10/2018).
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hồng